TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Bản án số: 706/2019/HNGĐ-ST Ngày: 18/11/2019 *V/v tranh chấp: Ly hôn*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - H phúc -------o0o-------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Bà Đặng Mai Hoa***

- Các hội thẩm nhân dân: ***1. Ông Nguyễn Đình Đạt***

2. Bà Nguyễn Thị Minh Hồng

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: ***Ông Lưu Tuấn Long*** **-** Cán bộ Toà án nhân dân quận Long Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà*: Ông Bùi Bách Thành* - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 446/2019/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXX ngày 10 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 63/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Mỹ H, sinh năm 1982

HKTT: phố N Lâm, phường N Lâm, quận Long Biên, Hà Nội

(có mặt tại phiên toà)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn H, sinh năm 1982

HKTT: phố N Lâm, phường N Lâm, quận Long Biên, Hà Nội

(vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn, chị Tạ Thị Mỹ H trình bày**:

Chị Tạ Thị Mỹ H và anh Nguyễn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình vào ngày 19/12/2002.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Cuộc sống vợ chồng không có H phúc. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. H công việc làm không ổn định. Gia đình chị được UBND phường N Lâm xét thuộc diện hộ cận nghèo của phường. Kinh tế vợ chồng đã quá khó khăn nhưng về mặt tinh thần, H còn thường xuyên đánh mắng chị. Mỗi lần vợ chồng xô xát, H lại dùng bào lực với chị trước mặt con cái. Chị đã nhận nhịn chịu đựng để khuyên can H, nhưng H không thay đổi tính cách. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng anh chị ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay. Nay chị xin được ly hôn với H.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn V A, sinh ngày 31/8/2004 và cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 21/12/2014. Hiện nay hai cháu đang ở với chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng nuôi hai cháu và không yêu cầu H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm thu ngân tại nhà hàng, thu nhập trung bình là 7.000.000đồng / 1 tháng

Về tài sản chung và công nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị xin tự nguyện chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn anh Nguyễn H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập H đến Tòa án nhưng H vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án không thể tiến hanfhlaays lời khai của đương sự trên.

Do đó các đương sự không thể cùng nhau thỏa thuận để giải quyết vụ án. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu và lời trình bầy tại Tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Tạ Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn H. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn V A, sinh ngày 31/8/2004 và cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 21/12/2014. Hiện nay hai cháu đang ở với chị H. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng nuôi hai cháu và không yêu cầu H cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị H giao cháu V A và cháu N cho chị trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn và tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con chung của H đối cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Do chưa có ý kiến của H về vấn đề này và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết và sẽ được giải quyết trong một vụ án khác nếu các đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên toà, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Chị Tạ Thị Mỹ H khởi kiện vụ án về việc "Tranh chấp ly hôn" đối với bị đơn là anh Nguyễn H địa chỉ cư trú tại Số 6/176 phố N Lâm, phường N Lâm, quận Long Biên, Hà Nội nên việc TAND quận Long Biên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ đối với anh Nguyễn H mà H vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt H theo điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị Tạ Thị Mỹ H kết hôn với anh Nguyễn H trên cơ sở tự nguyên và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình vào ngày 19/12/2002. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, vợ chồng anh chị chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế khó khăn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát đánh cãi nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay, kinh tế độc lập, không ai quan tâm tới ai. Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn với H.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và H như vậy là có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Việc chị H làm đơn xin ly hôn với H là có căn cứ, là nguyện vọng chính đáng, phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn V A, sinh ngày 31/8/2004 và cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 21/12/2014. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng nuôi hai cháu và không yêu cầu H cấp dưỡng nuôi con

HĐXX thấy, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Sau khi ly hôn, vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của luật này, bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con

3....."

Hiện tại hai cháu đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về thu nhập chị H xác nhận có thu nhập ổn định là 7.000.000 đồng/tháng. Cháu V A, sinh năm 2004 có nguyện vọng ở với chị H, còn cháu Minh N, sinh năm 2014, hiện nay còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của hai cháu, HĐXX nên chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu V A và cháu N cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế và Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu H đóng góp tiền nuôi con chung nên tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con chung của H cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu mới theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản chung: các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

* Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Tạ Thị Mỹ H và anh Nguyễn H

2. Về nuôi con chung

2.1. Giao cháu Nguyễn V A, sinh ngày 31/8/2004 và cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 21/12/2014 cho chị Tạ Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.4. Tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con chung của H cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu mới theo quy định của pháp luật..

Không ai đ□ợc ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Chị Tạ Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001866 ngày 11/7/2019 tại Chi cục thi hành án quận Long Biên. Nay chuyển thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm.

Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND Tp. Hà Nội
-VKSND q. Long Biên
-Chi cục THADS q. Long Biên
-UBND phường Long Biên, Long Biên, HN
- Các đương sự
- Lưu HS
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đặng Mai Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**